

Số: 1369/QĐ-TĐHHT

Hà Tĩnh, ngày 13 tháng 10 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

Về việc cấp học bổng khuyến khích học tập cho học sinh, sinh viên các lớp thuộc các khóa 5,6,7 Đại học, 20,21 Cao đẳng và 33 Trung cấp học kỳ II, năm học 2014-2015

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC HÀ TĨNH

Căn cứ Điều lệ trường đại học ban hành theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg, ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Hà Tĩnh ban hành kèm theo Quyết định số 10/2012/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 03 năm 2012 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Hà Tĩnh;

Căn cứ Quy chế công tác học sinh, sinh viên ban hành kèm theo Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01/8/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về học bổng khuyến khích học tập đối với học sinh, sinh viên trong các trường chuyên, trường năng khiếu, các cơ sở giáo dục đại học và trung cấp chuyên nghiệp thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Xét kết quả học tập, rèn luyện của học sinh, sinh viên và đề nghị của Hội đồng xét cấp học bổng,

QUYẾT ĐỊNH:

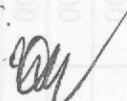
Điều 1. Cấp học bổng khuyến khích học tập học kỳ II, năm học 2014-2015 cho 153 học sinh, sinh viên các lớp thuộc các khóa 5,6,7 Đại học, 20,21 Cao đẳng và 33 Trung cấp (có danh sách kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các học sinh, sinh viên có tên tại Điều 1, các Khoa, Phòng Công tác học sinh, sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài chính chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- TT CNTT (đăng website);
- P.CTHSSV;
- Lưu: VT.



GS.TS. Nguyễn Văn Đính

DANH SÁCH HỌC SINH, SINH VIÊN
ĐƯỢC NHẬN HỌC BỔNG KHUYẾN KHÍCH HỌC TẬP HỌC KỲ II, NĂM HỌC 2014-2015
K5, K6, K7, K20, K21, K33

Kèm theo Quyết định số: 1369/QĐ-TĐHHT ngày 13 tháng 10 năm 2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Hà Tĩnh

TT	Họ và tên		Ngày sinh	Lớp	Điểm học tập	Xếp loại học tập	Điểm RL	Xếp loại RL	Mức học bổng	Số tiền được nhận	Ký nhận
1	Tô Thị	Thương	15/02/1994	K5 QT	3,71	Xuất sắc	86	Tốt	550,000	2.750,000	
2	Phạm Thị	Nhung	15/05/1993	K5 QT	3,46	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
3	Trần Thị Hải	Yến	18/04/1994	K5A KT	3,64	Xuất sắc	92	Xuất sắc	550,000	2.750,000	
4	Bùi Thị Thùy	Linh	03/05/1994	K5A KT	3,57	Giỏi	89	Tốt	520,000	2.600,000	
5	Nguyễn Thị	Huyền	17/07/1994	K5A KT	3,32	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000	
6	Phạm Thị Thu	Huyền	25/10/1994	K5A KT	3,31	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000	
7	Bùi Thị Kim	Trúc	20/10/1994	K5B KT	3,34	Giỏi	80	Tốt	520,000	2.600,000	
8	Trần Thị	Tuyên	16/06/1994	K5B KT	3,26	Giỏi	84	Tốt	520,000	2.600,000	
9	Trần Thị	Oanh	25/09/1994	K5B KT	3,22	Giỏi	91	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
10	Thân Thị	Dung	25/07/1994	K5 TCNH	3,73	Xuất sắc	81	Tốt	550,000	2.750,000	
11	Đặng Thị	Vinh	27/08/1992	K5 TCNH	3,43	Giỏi	81	Tốt	520,000	2.600,000	
12	Lê Thị	Huyền	14/03/1994	K5 TCNH	3,24	Giỏi	77	Khá	520,000	2.600,000	
13	Nguyễn Thị	Hằng	06/08/1995	K6 QT	3,31	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000	
14	Nguyễn Thị	Thùy	02/01/1995	K6 QT	3,22	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
15	Văn Thị Mỹ	Hằng	28/05/1995	K6 QT	3,14	Khá	86	Tốt	500,000	2.500,000	
16	Đặng Thanh	Thái	08/09/1994	K6 QT	2,92	Khá	92	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
17	Tha Von Sy Su	Văn	01/02/1993	K6 QT	2,68	Khá	92	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
18	Trần Thị	Như	06/10/1995	K6 QTDL	3,68	Xuất sắc	89	Tốt	550,000	2.750,000	
19	Lê Thị	Biển	10/03/1994	K6 QTDL	3,46	Giỏi	85	Tốt	520,000	2.600,000	

20	Lê Thị Trang	12/01/1995	K6 QTDL	3,34	Giỏi	83	Tốt	520,000	2.600,000	
21	Nguyễn Thị An	14/08/1993	K6A KT	3,22	Giỏi	87	Tốt	520,000	2.600,000	
22	Đinh Thị Thanh	08/07/1994	K6A KT	3,21	Giỏi	87	Tốt	520,000	2.600,000	
23	Lê Thị Hồng	06/09/1994	K6A KT	3,18	Khá	88	Tốt	500,000	2.500,000	
24	Phan Thanh Huyền	23/01/1993	K6A KT	2,95	Khá	98	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
25	Dương Thị Thủy	09/11/1995	K6B KT	3,14	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
26	Bùi Thị Hiền	26/05/1995	K6B KT	3,08	Khá	91	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
27	Trần Thị Hồng	19/08/1995	K6B KT	3,07	Khá	87	Tốt	500,000	2.500,000	
28	Phan Thị Đông	02/10/1995	K6 TCNH	3,43	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000	
29	Nguyễn Thị Minh	04/02/1994	K6 TCNH	3,42	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
30	Lê Thị Nghĩa	08/05/1995	K6 TCNH	2,81	Khá	87	Tốt	500,000	2.500,000	
31	Xúc Xa Văn Xay Nha	13/02/1994	K6 TCNH	2,81	Khá	70	Khá	500,000	2.500,000	
32	Phan Thị Hoa	10/02/1996	K7 QTDL	3,29	Giỏi	94	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
33	Nguyễn Thị Hằng	21/11/1996	K7A KT	2,89	Khá	94	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
34	Hoàng Thị Huyền	17/05/1996	K7A KT	2,88	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
35	Hồ Thị Huyền	17/01/1993	K7B KT	3,45	Giỏi	87	Tốt	520,000	2.600,000	
36	Trần Thị Vân	16/04/1992	K7B KT	2,93	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
37	Quách Thị Quyên	19/05/1996	K7B KT	2,80	Khá	90	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
38	Trần Thị Phụng	04/02/1996	K7B KT	2,69	Khá	79	Khá	500,000	2.500,000	
39	Phạm Thị Xay Xit Thi	08/02/1995	K7A TCNH	3,32	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
40	Nguyễn Thị Quý	10/11/1994	K20 KT	3,38	Giỏi	90	Xuất sắc	420,000	2.100,000	
41	Nguyễn Thị Yên	25/11/1996	K33 KT	7,90	Khá	90	Xuất sắc	350,000	1.750,000	
42	Nguyễn Tiến Anh	25/02/1996	K33 CNTY	7,50	Khá	82	Tốt	350,000	1.750,000	
43	Trần Minh Ngo	08/06/1990	K33 CNTY	7,50	Khá	89	Tốt	350,000	1.750,000	
44	Nguyễn Hữu Quân	16/11/1991	K5CNTT	2,96	Khá	92	Xuất sắc	600,000	3.000,000	
45	Trần Hữu Quốc	09/08/1994	K5CNTT	2,77	Khá	89	Tốt	600,000	3.000,000	
46	Nguyễn Tiến Dũng	20/09/1995	K6CNTT	2,74	Khá	88	Tốt	600,000	3.000,000	
47	Lê Văn Bá	23/10/1995	K6XD	2,70	Khá	88	Tốt	600,000	3.000,000	
48	Trần Trọng Cương	28/11/1993	K6XD	2,69	Khá	86	Tốt	600,000	3.000,000	

49	Phan Sỹ	Chung	19/08/1994	K6XD	2,66	Khá	86	Tốt	600,000	3.000,000	
50	Nguyễn Thị Hồng	Lương	05/08/1994	K7CNTT	3,06	Khá	92	Xuất sắc	600,000	3.000,000	
51	Nguyễn Thị	Phượng	18/03/1996	K7CNTT	2,96	Khá	91	Xuất sắc	600,000	3.000,000	
52	Nguyễn Thế	Vinh	18/01/1996	K7XD	2,87	Khá	82	Tốt	600,000	3.000,000	
53	Nguyễn Văn	Thiết	10/06/1996	K7XD	2,56	Khá	90	Xuất sắc	600,000	3.000,000	
54	Nguyễn Hoài	Nam	18/07/1996	K7XD	2,54	Khá	82	Tốt	600,000	3.000,000	
55	Dương Khắc	Dũng	03/12/1996	K7XD	2,54	Khá	85	Tốt	600,000	3.000,000	
56	Nguyễn Sĩ	Đạt	28/11/1996	K7Đ-ĐT	3,26	Giỏi	95	Xuất sắc	620,000	3.100,000	
57	Kiều Minh	Đức	02/11/1996	K7Đ-ĐT	3,03	Khá	88	Tốt	600,000	3.000,000	
58	Võ Doãn	Cường	01/01/1996	K7Đ-ĐT	2,88	Khá	92	Xuất sắc	600,000	3.000,000	
59	Lương Ngọc	Son	06/09/1995	K7Đ-ĐT	2,71	Khá	86	Tốt	600,000	3.000,000	
60	Lê Thanh	Tĩnh	01/12/1996	K7Đ-ĐT	2,69	Khá	80	Tốt	600,000	3.000,000	
61	Từ Thị	Hằng	25/01/1996	K7 KTTK	2,51	Khá	85	Tốt	600,000	3.000,000	
62	Lê Thị	Giang	27/04/1996	K7 CTN	2,53	Khá	83	Tốt	600,000	3.000,000	
63	Nguyễn Hữu	Hợp	21/02/1995	K7 CTM	2,57	Khá	87	Tốt	600,000	3.000,000	
64	Trần Ngọc	Thông	26/01/1996	K7CK	3,19	Khá	89	Tốt	600,000	3.000,000	
65	Lê Anh	Tuấn	14/03/1996	K7CK	2,71	Khá	80	Tốt	600,000	3.000,000	
66	Đặng Hòa	Lợi	14/04/1996	K7CK	2,52	Khá	80	Tốt	600,000	3.000,000	
67	Nguyễn Sỹ	Ngọc	11/05/1995	K7TĐH	3,17	Khá	89	Tốt	600,000	3.000,000	
68	Nguyễn Quốc	Vương	10/10/1994	K7TĐH	3,13	Khá	85	Tốt	600,000	3.000,000	
69	Lê Thị	Mai	04/12/1996	K7TĐH	2,91	Khá	83	Tốt	600,000	3.000,000	
70	Nguyễn Thị	Phượng	10/11/1994	K5 Toán	3,48	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000	
71	Trần Thị Thanh	Hoa	10/03/1994	K5 KHMT	3,44	Giỏi	81	Tốt	620,000	3.100,000	
72	Dịu Di Vất Thả	Xay	09/06/1994	K5 KHMT	3,27	Giỏi	88	Tốt	620,000	3.100,000	
73	Nguyễn Thị Thu	Hằng	02/12/1995	K6 Toán	3,67	Xuất sắc	99	Xuất sắc	550,000	2.750,000	
74	Lê Thị Thu	Trang	29/03/1995	K6 Toán	3,44	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
75	Phạm Thị Minh	Hạnh	20/09/1995	K6 KHMT	3,51	Giỏi	88	Tốt	620,000	3.100,000	
76	Nguyễn Thị	Hoa	28/08/1995	K6 KHMT	3,56	Giỏi	86	Tốt	620,000	3.100,000	
77	Thái Thị	Hoa	12/12/1993	K6 KHMT	3,47	Giỏi	91	Xuất sắc	620,000	3.100,000	
78	Nguyễn Thị	Huyền	25/10/1995	K6 KHMT	3,56	Giỏi	86	Tốt	620,000	3.100,000	
79	Nguyễn Thị Ly	Na	15/01/1995	K6 KHMT	3,44	Giỏi	83	Tốt	620,000	3.100,000	

80	Nguyễn Thị Nhung	16/10/1994	K6 KHMT	3,55	Giỏi	86	Tốt	620,000	3.100,000
81	Trịnh Thị Tuyết	15/01/1994	K5SP Anh	3,41	Giỏi	95	Xuất sắc	520,000	2.600,000
82	Đào Thị Ngà	06/10/1994	K5NN Anh	2,96	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000
83	Đặng Thị Bích	02/03/1995	K6SP Anh	2,99	Khá	83	Tốt	500,000	2.500,000
84	Lê Thị Ngọc Trâm	09/09/1995	K6SP Anh	3,08	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000
85	Nguyễn Thị Thu Trang	28/07/1995	K6NN Anh	3,14	Khá	86	Tốt	500,000	2.500,000
86	Nguyễn Thị Kiều Oanh	25/12/1995	K7SP Anh	3,20	Giỏi	96	Xuất sắc	520,000	2.600,000
87	Hồ Thị Lan	21/06/1996	K7NN Anh	2,89	Khá	90	Xuất sắc	500,000	2.500,000
88	Trần Thị Thùy Dương	20/11/1993	K7TALT	3,34	Giỏi	84	Tốt	520,000	2.600,000
89	Nguyễn Thị Tân	09/04/1994	K20SP Anh	2,96	Khá	87	Tốt	400,000	2.000,000
90	Hồ Thị Ngọc Phượng	08/02/1994	K5 GDMN	3,40	Giỏi	93	Xuất sắc	520,000	2.600,000
91	Nguyễn Thị Nga	03/05/1993	K5 GDMN	3,09	Khá	88	Tốt	500,000	2.500,000
92	Nguyễn Thị Thành	16/10/1993	K5 GDMN	3,09	Khá	89	Tốt	500,000	2.500,000
93	Hồ Thị Thùy	15/09/1994	K5 GDMN	3,09	Khá	91	Xuất sắc	500,000	2.500,000
94	Nguyễn Thị Bé	07/08/1993	K5 GDTH	3,61	Xuất sắc	94	Xuất sắc	550,000	2.750,000
95	Võ Thị Thúy Đoài	19/05/1995	K6A GDMN	3,41	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000
99	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	19/08/1995	K6A GDMN	3,31	Giỏi	95	Xuất sắc	520,000	2.600,000
106	Lê Thị Anh	15/02/1995	K6A GDMN	3,29	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000
98	Nguyễn Thị Thanh Yên	12/10/1994	K6B GDMN	3,37	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000
99	Lê Thị Hiền	20/9/1995	K6B GDMN	3,32	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000
100	Lê Thị Thúy	21/03/1995	K6B GDMN	3,27	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000
101	Trần Thị Hằng	16/07/1995	K6B GDMN	3,27	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000
102	Hoàng Thị Khánh Huyền	02/08/1995	K6B GDMN	3,25	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000
106	Trần Thị Thu Hằng	26/07/1995	K6B GDMN	3,24	Giỏi	91	Xuất sắc	520,000	2.600,000
104	Nguyễn Thị Huệ	20/10/1995	K6B GDMN	3,30	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000
106	Nguyễn Thị Linh	22/7/1994	K6C GDMN	3,73	Xuất sắc	98	Xuất sắc	550,000	2.750,000
106	Hồ Thị Trang	10/07/1995	K6C GDMN	3,29	Giỏi	89	Tốt	520,000	2.600,000
107	Nguyễn Thị Thu Hoài	20/08/1995	K6 GDTH	3,65	Xuất sắc	96	Xuất sắc	550,000	2.750,000
108	Nguyễn Thị Bình	17/11/1995	K6 GDTH	3,56	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000
109	Dương Thị Bình	01/11/1995	K6 GDTH	3,53	Giỏi	88	Tốt	520,000	2.600,000
110	Nguyễn Thị Thúy Hằng	15/08/1995	K7 GDTH	3,11	Khá	90	Xuất sắc	500,000	2.500,000
111	Nguyễn Thị Huyền	28/11/1996	K7 GDTH	3,04	Khá	87	Tốt	500,000	2.500,000

112	Trần Thị	Thảo	06/11/1996	K7 GDTH	3,03	Khá	87	Tốt	500,000	2.500,000	
113	Nguyễn Thị Diệu	Linh	23/02/1996	K7 GDTH	3,02	Khá	90	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
114	Chu Thị Thúy	Hằng	11/07/1996	K7 GDTH	2,88	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
115	Nguyễn Thị	Nga	10/10/1996	K7A GDMN	3,11	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
118	Nguyễn Thị Trâm	Anh	30/04/1996	K7A GDMN	2,80	Khá	86	Tốt	500,000	2.500,000	
117	Phan Thị	Hoàn	28/02/1996	K7B GDMN	2,99	Khá	95	Xuất sắc	500,000	2.500,000	
118	Nguyễn Thị	Nhung	10/01/1995	K7B GDMN	2,92	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
119	Lê Thị Ngọc	Trâm	09/06/1995	K7B GDMN	2,52	Khá	84	Tốt	500,000	2.500,000	
120	Nguyễn Thị	Hồng	12/11/1996	K7B GDMN	2,51	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
121	Phạm Thị Thanh	Hằng	28/02/1995	K20A GDMN	3,46	Giỏi	94	Xuất sắc	420,000	2.100,000	
122	Nguyễn Thị	Thanh	05/03/1994	K20A GDMN	3,28	Giỏi	88	Tốt	420,000	2.100,000	
123	Nguyễn Thị	Đường	09/09/1994	K20A GDMN	3,27	Giỏi	86	Tốt	420,000	2.100,000	
124	Dương Hà	Trang	12/06/1995	K20B GDMN	3,65	Xuất sắc	93	Xuất sắc	450,000	2.250,000	
125	Nguyễn Thị	Ngọc	02/11/1995	K20B GDMN	3,26	Giỏi	86	Tốt	420,000	2.100,000	
126	Phạm Thị	Liễu	24/08/1995	K20B GDMN	3,25	Giỏi	90	Xuất sắc	420,000	2.100,000	
127	Phan Thị	Nga	23/07/1994	K20B GDMN	3,25	Giỏi	83	Tốt	420,000	2.100,000	
128	Thân Thị	Quỳnh	22/12/1996	K21 GDTH	2,69	Khá	90	Xuất sắc	400,000	2.000,000	
129	Nguyễn Thị	Hằng	06/10/1989	K21 MNLT	3,19	Khá	81	Tốt	400,000	2.000,000	
130	Võ Thị	Hoài	07/10/1990	K21 MNLT	3,10	Khá	90	Xuất sắc	400,000	2.000,000	
131	Phan Thị	Thương	06/08/1991	K21 MNLT	3,10	Khá	81	Tốt	400,000	2.000,000	
132	Bóp Bị Kẹo Vi	Lay	05/12/1994	K5 GDCT	3,47	Giỏi	91	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
133	Kín Đa Vòng Lát Xa Vòng	Xón	14/11/1992	K5 GDCT	3,39	Giỏi	83	Tốt	520,000	2.600,000	
134	Trần Mỹ	Linh	16/09/1994	K6 Luật	3,51	Giỏi	92	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
135	Nguyễn Thị	Tiên	25/12/1995	K6 Luật	3,46	Giỏi	86	Tốt	520,000	2.600,000	
136	Võ Văn	Toàn	09/08/1993	K6 GDCT	3,35	Giỏi	93	Xuất sắc	520,000	2.600,000	
137	Nậm Phíc Xay Nhà	Vông	30/11/1993	K6 GDCT	2,89	Khá	84	Tốt	500,000	2.500,000	
138	Đuông Chay Bun Mi	Xay	18/04/1990	K6 GDCT	2,86	Khá	88	Tốt	500,000	2.500,000	
139	Xú Li Nha Phong Xả Vạt Mi	Xay	22/01/1992	K6 GDCT	2,80	Khá	81	Tốt	500,000	2.500,000	
140	Khăm Bang Bun Tha	Xúc	01/11/1994	K6 GDCT	2,71	Khá	80	Tốt	500,000	2.500,000	
141	Thiêm Chay Phết Pheng	Khăm	22/03/1993	K7A GDCT	2,77	Khá	80	Tốt	500,000	2.500,000	
142	Ét Dỳ Pản Ma Nụ	Vông	04/12/1986	K7A GDCT	2,83	Khá	83	Tốt	500,000	2.500,000	

143	Eng Xủ Pha	Nit	17/06/1995	K7B GDCT	3,03	Khá	81	Tốt	500,000	2.500,000	
144	Văn Phút Xồm	Phon	09/03/1994	K7B GDCT	2,81	Khá	85	Tốt	500,000	2.500,000	
145	Chay Cô Tông C.Y.T.P.L	Thao	06/10/1993	K7B GDCT	2,99	Khá	82	Tốt	500,000	2.500,000	
146	Lạt Tạ Nạ Xay Phệt My	Xay	22/04/1996	K7B GDCT	3,18	Khá	88	Tốt	500,000	2.500,000	
147	Phạm Thị Mỹ	Anh	05/10/1995	K7A Luật	2,56	Khá	79	Khá	500,000	2.500,000	
148	Ku Hà Dua	Tông	01/01/1994	K7A Luật	2,72	Khá	81	Tốt	500,000	2.500,000	
149	A Lí Phon Pheng Xả Vắn	Đi	16/04/1995	K7B Luật	2,85	Khá	84	Tốt	500,000	2.500,000	
150	Phút Thả Xón Xả Nề	Há	01/06/1995	K7B Luật	2,74	Khá	84	Tốt	500,000	2.500,000	
151	Thíp Phả Xón Khăm Phi	Lay	24/08/1995	K7B Luật	2,56	Khá	81	Tốt	500,000	2.500,000	
152	Kù Đa	Lo	05/08/1992	K7B Luật	2,51	Khá	80	Tốt	500,000	2.500,000	
153	Trần Duy	Linh	12/05/1996	K7C Luật	2,88	Khá	75	Khá	500,000	2.500,000	
Tổng										399.000,000	

Danh sách này có 153 HSSV được nhận học bổng khuyến khích học tập với tổng số tiền là 399.000,000đ

(Bằng chữ: Ba trăm chín mươi chín triệu đồng)

HIỆU TRƯỞNG

 GS.TS. Nguyễn Văn Đỉnh